

Bản án số: 09/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 29/4/2026

*V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Hồng Hưng.
- *Các hội thẩm nhân dân:* ông Hà Văn Linh và bà Lương Thị Thảo
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* ông Hà Thế Anh – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ tham gia phiên tòa:
ông Mai Thanh Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05a/2026/TLST- HNGĐ ngày 16/01/2026, về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐST- HNGĐ ngày 13/4/2026 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: chị **Bùi Thị P**, sinh năm 1986, số định danh cá nhân: 017186001702; nơi cư trú: **xóm L, xã M, tỉnh Phú Thọ**. Có mặt.

Bị đơn: anh **Bùi Văn N**, sinh năm 1987, số định danh cá nhân: 017087007056; nơi cư trú: **xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ**. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Phương trình B:

Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi được tìm hiểu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện đã được **UBND xã P** nay là **xã M, tỉnh Phú Thọ**, cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/6/2017. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại **xóm L, xã M, tỉnh Phú Thọ**. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng bình thường. Đến năm 2020 chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chúng tôi không hợp nhau về tích cách, lối sống, từ đó hai vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa và chúng tôi đã sống ly thân với nhau. Nay nhận thấy cuộc hôn nhân chỉ tồn tại trên danh nghĩa vì vậy tôi làm đơn này đề nghị tòa án giải quyết để tôi được ly hôn anh **Bùi Văn N**.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên là **Bùi Thị Hải Y**, sinh ngày 13/10/2008 và **Bùi An B1**, sinh ngày 24/12/2012. Khi ly hôn tôi xin trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cả hai con. Tôi chưa yêu cầu anh **Bùi Văn N** phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh **N** có quyền thăm con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị **Bùi Thị P** xin nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Quá trình giải quyết vụ án anh **Bùi Văn N** cố tình trốn tránh, gây khó khăn trong công tác giải quyết án. Tòa án đã phối hợp cùng **UBND xã T**, tỉnh Phú Thọ trực tiếp đến nhà lập biên bản về việc không thể tiến hành lấy lời khai của anh **Bùi Văn N** và đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng để giải quyết vụ kiện theo thủ tục chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các thành viên Hội đồng xét xử đã có mặt đầy đủ, không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Quá trình thẩm vấn, xét xử đã tuân theo đúng quy định của phiên tòa dân sự sơ thẩm nên không yêu cầu khắc phục vi phạm về thủ tục tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Những người tham gia tố tụng nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt lần 02 không có lý do. Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp tổng đạt, thu thập chứng cứ, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh **Bùi Văn N** vẫn cố tình trốn tránh nên tòa án đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ kiện.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 51, khoản 1 điều 56 và các Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị **Bùi Thị P** được ly hôn anh **Bùi Văn N**. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con cho chị **Bùi Thị P** là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung: chị **Bùi Thị P** khai nhận không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự: chị **Bùi Thị P** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh **Bùi Văn N** có nơi cư trú tại: **xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ.

[2] Việc chấp hành của đương sự: Quá trình giải quyết vụ kiện anh **Bùi Văn**

Ninh cô tình trốn tránh. Tòa án đã phối hợp cùng xã T, tỉnh Phú Thọ tiến hành thủ tục tổng đạt theo quy định tại khoản 4 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết vụ kiện theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay anh Bùi Văn N vẫn cố tình vắng mặt, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các bên đương sự, cũng như đảm bảo về thời hạn tố tụng, tòa án tiến hành xét xử vụ kiện là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị P và anh Bùi Văn N được tìm hiểu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện đã được UBND xã P nay là xã M, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/6/2017. Sau khi kết hôn anh chị chung sống, tại xóm L, xã M, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến tình cảm của nhau và đã sống ly thân nhau. Từ những nguyên nhân trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Bùi Thị P và anh Bùi Văn N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn yêu cầu để chị Bùi Thị P được ly hôn anh Bùi Văn N là phù hợp với Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Hiện nay anh chị có 02 con chung tên là Bùi Hải Y, sinh ngày 13/10/2008 và con Bùi An B1, sinh ngày 24/12/2012 hiện nay cả hai đang ở cùng chị Bùi Thị P. Xét theo nguyện vọng của con chưa thành niên trên cơ sở điều kiện kinh tế của chị Bùi Thị P có việc làm ổn định. Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả hai con cho chị Bùi Thị P là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Bùi Văn N chưa phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền thăm con. Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Bùi Thị Phương B là không có, ngày 24/02/2026 Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai biên bản phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ tại nhà và UBND xã nhưng không có ý kiến phản đối hoặc yêu cầu phản tố. Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét về nội dung này.

[6] Về án phí: chị Bùi Thị P phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị **Bùi Thị P** được ly hôn anh **Bùi Văn N**.
2. Về con chung: - Giao cho chị **Bùi Thị P** là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con là **Bùi Hải Y**, sinh ngày 13/10/2008 và con **Bùi An B1**, sinh ngày 24/12/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.
 - Anh **Bùi Văn N** chưa phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị **P** nhưng có quyền thăm con.
3. Về án phí: chị **Bùi Thị P** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0000382 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.
4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để xin xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo cùng thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Phú Thọ
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKS KV 16- Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 16;
- UBND xã Mường Bi- Phú Thọ;
- (đăng ký ngày 16/6/2017)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ
- Lưu cặp án

TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hồng Hưng